



Chương 3

Hệ thống

Nội dung

3.1	Xây dựng hệ thống	4
3.1.1	Xây dựng tài khoản nhà nước	4
1.	Chức năng	4
2.	Trường hợp nào thì khai báo thêm tài khoản nhà nước	4
3.	Màn hình thao tác	6
4.	Ý nghĩa các trường thông tin	7
3.1.2	Xây dựng phần hành nhập liệu	10
1.	Chức năng	10
2.	Màn hình thao tác	10
3.	Ý nghĩa các trường thông tin	12
3.1.3	Xây dựng quy trình tổng hợp số liệu	15
1.	Chức năng	15
2.	Màn hình thao tác	15
3.	Ý nghĩa các trường thông tin	16
3.2	Quản trị hệ thống	19
3.2.1	Phân quyền sử dụng	19
1.	Chức năng	19
2.	Màn hình thao tác	19
3.	Ý nghĩa các trường thông tin	22
3.2.2	Tiện ích tùy chọn	22
1.	Chức năng	22
2.	Màn hình thao tác	23
3.	Ý nghĩa các trường thông tin	23
3.2.3	Sao lưu dữ liệu	24

1. Chức năng	24
2. Màn hình thao tác	24
3.3 Danh mục tài khoản.....	25
3.3.1 Chức năng.....	25
3.3.2 Màn hình thao tác.....	25
3.3.3 Ý nghĩa các trường thông tin.....	25
Danh mục ngân hàng	25
Danh mục khách hàng	25
Danh mục hàng hóa	26
Danh mục tài khoản khác.....	27
3.4 Danh mục quản lý.....	27
3.4.1 Danh mục khoản mục phí	27
1. Chức năng	27
2. Màn hình thao tác	27
3.4.2 Danh mục kho hàng.....	28
1. Chức năng	28
2. Màn hình thao tác	28
3.4.3 Danh mục đơn vị tính.....	29
1. Chức năng	29
2. Màn hình thao tác	29
3.4.4 Danh mục loại tiền tệ.....	30
1. Chức năng	30
2. Màn hình thao tác	30
3.4.5 Danh mục hình thức thanh toán.....	30
1. Chức năng	30
2. Màn hình thao tác	30
3.4.6 Quản lý hạn mức nợ.....	31
1. Chức năng	31
2. Màn hình thao tác	31
3.4.7 Quản lý hạn thanh toán	32
1. Chức năng	32
2. Màn hình thao tác	32
3.4.8 Hạn mức duyệt chiết khấu.....	32
1. Chức năng	32

2.	Màn hình thao tác	32
3.4.9	Quản lý đơn giá.....	33
1.	Chức năng	33
2.	Màn hình thao tác	33
3.4.10	Quản lý hợp đồng.....	34
1.	Chức năng	34
2.	Màn hình thao tác	34
3.4.11	Quản lý kế ước.....	34
1.	Chức năng	34
2.	Màn hình thao tác	35
3.4.12	Danh mục tính chất thu chi	35
1.	Chức năng	35
2.	Màn hình thao tác	35

3.1 Xây dựng hệ thống

Khi bạn khởi tạo cơ sở dữ liệu ban đầu thì phần hệ thống này đã được xây dựng sẵn, có thể đáp ứng trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động nhiều lĩnh vực như: Thương mại, dịch vụ, sản xuất, xây lắp. Dù vậy chúng tôi vẫn trình bày phần này một cách chi tiết để bạn tham khảo và có thể thực hiện một số sửa đổi, bổ sung để phù hợp yêu cầu.

3.1.1 Xây dựng tài khoản nhà nước

1. Chức năng

- Hệ thống tài khoản là công cụ để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng đối tượng kế toán. Ví dụ nghiệp vụ kinh tế "chi tiền mặt thanh toán cho nhà cung cấp" thì tiền mặt và phải trả nhà cung cấp là hai đối tượng kế toán, đã được mã hóa thành tài khoản 111 và 331.
- Phần này giúp bạn xây dựng hệ thống tài khoản áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp
- Ngoài ra phần này còn có chức năng giúp bạn thiết lập các tài khoản cùng đối tượng, thiết lập tài khoản sử dụng tham chiếu và lựa chọn thuộc tính tài khoản phù hợp.

2. Trường hợp nào thì khai báo thêm tài khoản nhà nước

- Xây dựng hệ thống tài khoản áp dụng trước hết phải tuân thủ theo bảng hệ thống tài khoản được ban hành theo quy định Nhà nước, bên cạnh đó có thể khai báo bổ sung các tài khoản chi tiết hơn để đáp ứng yêu cầu hạch toán, quản lý của doanh nghiệp và lên được một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính
- Trong chương trình đã có sẵn bảng hệ thống tài khoản theo quy định và một số trường hợp đã được khai báo chi tiết hơn để đáp ứng yêu cầu báo cáo

Ví dụ 1: TK 128 – Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

128	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
1281	Tiền gửi có kỳ hạn
12811	Tiền gửi có kỳ hạn tương đương tiền
12812	Tiền gửi có kỳ hạn
1282	Trái phiếu
12821	Trái phiếu tương đương tiền
12822	Trái phiếu
1283	Cho vay
1288	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn
12881	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn tương đương tiền
12882	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn

Theo quy định khi lên bảng cân đối kế toán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng thì ghi vào chỉ tiêu có mã số 112, các khoản lớn hơn 3 tháng ghi vào chỉ tiêu có mã số 123. Do đó việc khai báo TK 128 như hình trên để đáp ứng yêu cầu này

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Phương pháp lập
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(D)
TÀI SẢN					
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110				
1. Tiền	111				CN111,112,113
2. Các khoản tương đương tiền	112				CN12811,12821,12881
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120				
1. Chứng khoán kinh doanh	121				CN121
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122				-CC2291
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123				CN12812,12822,12882

Ví dụ 2: TK 2141 – Hao mòn TSCĐ hữu hình

214	Hao mòn tài sản cố định
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình
21411	Hao mòn TSCĐ hữu hình - Nhà cửa vật kiến trúc
21412	Hao mòn TSCĐ hữu hình - Máy móc thiết bị
21413	Hao mòn TSCĐ hữu hình - PTVT, truyền dẫn
21414	Hao mòn TSCĐ hữu hình - Thiết bị, dụng cụ quản lý
21415	Hao mòn TSCĐ hữu hình - Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho s
21418	Hao mòn TSCĐ hữu hình - TSCĐ khác
2142	Hao mòn TSCĐ hữu hình thuê tài chính
21421	Hao mòn TSCĐ hữu hình thuê tài chính
21422	Hao mòn TSCĐ vô hình thuê tài chính
2143	Hao mòn TSCĐ vô hình
21431	Hao mòn TSCĐ vô hình - Quyền sử dụng đất
21432	Hao mòn TSCĐ vô hình - Quyền phát hành
21433	Hao mòn TSCĐ vô hình - Bản quyền, bằng sáng chế
21434	Hao mòn TSCĐ vô hình- Nhãn hiệu, tên thương mại
21435	Hao mòn TSCĐ vô hình - Chương trình phần mềm
21436	Hao mòn TSCĐ vô hình - Giấy phép và giấy nhượng quyền
21438	Hao mòn TSCĐ vô hình - TSCĐ vô hình khác

Trong chương trình khai báo TK 214 chi tiết như hình trên để đáp ứng yêu cầu lên thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:						
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	...	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm						
- Mua trong năm						
- Đầu tư XD CB hoàn thành						
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm						
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						
- Khấu hao trong năm						
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm						
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm						
- Tại ngày cuối năm						

Ví dụ 3: TK 635 – Chi phí tài chính

635	Chi phí tài chính
6351	Chi phí tài chính
6352	Chi phí lãi vay

Bảng HTTK theo quy định chỉ có 635 nhưng chương trình có tài khoản chi tiết như hình để đáp ứng khi lên Báo cáo kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26			
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30			
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60			

- Trường hợp muốn **khai báo chi tiết TK1121: chi tiết từng ngân hàng; TK131: chi tiết từng khách hàng; TK141: chi tiết nhân viên tạm ứng ...** thì bạn thực hiện tại chức năng **Khai báo danh mục chi tiết tài khoản (Mục ...)** – Với chức năng này chương trình hỗ trợ bạn thao tác nhập liệu nhanh hơn và lên báo cáo đáp ứng yêu cầu tốt hơn.

3. Màn hình thao tác

Vào **Hệ thống > Xây dựng hệ thống > Xây dựng tài khoản nhà nước**

Tài khoản	Tên tài khoản	Cùng đối tượng	Tham chiếu 1	Tham chiếu 2	Tham chiếu 3
241	Xây dựng cơ bản đang				
2411	Mua sắm TSCĐ				
2412	Xây dựng cơ bản	B2. Nhấn Thêm mới hoặc Sửa đổi			
2413	Sửa chữa lớn TSCĐ				
242	Chi phí trả trước				
243	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
244	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược				
331	Phải trả cho người bán				
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	B1. Kích chuột vào TK cha nếu khai báo thêm chi tiết; Kích chuột vào TK con nếu sửa đổi			
3331	Thuế GTGT phải nộp				
33311	Thuế GTGT đầu ra				
33312	Thuế GTGT hàng nhập khẩu				
3332	Thuế tiêu thụ đặc biệt				
3333	Thuế xuất, nhập khẩu				
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
3335	Thuế thu nhập cá nhân				
3336	Thuế tài nguyên				
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất				
33371	Thuế nhà đất				
33372	Tiền thuê đất				

Tài khoản	Tên tài khoản	Cùng đối tượng	Tham chiếu 1	Tham chiếu 2	Tham chiếu 3	Tham chiếu TK
241	Xây dựng cơ bản đang					
2411	Mua sắm TSCĐ					
2412	Xây dựng					
2413	Sửa chữa					
242	Chi phí trả					
243	Tài sản t					
244	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn					
331	Phải trả					
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					
3331	Thuế GTGT phải nộp					
33311	Thuế GTGT đầu ra					
33312	Thuế GTGT hàng nhập khẩu					
3332	Thuế tiêu thụ đặc biệt					
3333	Thuế xuất, nhập khẩu					
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp					
3335	Thuế thu nhập cá nhân					
3336	Thuế tài nguyên					
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất					
33371	Thuế nhà đất					
33372	Tiền thuê đất					
3338	Thuế và các khoản phải nộp khác					
33381	Thuế bất động sản					
33382	Các khoản phải nộp khác					
3339	Phí, lệ phí					
33391	Các khoản phải nộp khác					
33392	Các khoản phải nộp khác					

Khai báo tài khoản

Mã tài khoản: 2441 <<Mã nhóm>>

Tên tài khoản: Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Loại tài khoản:

☐ Cùng đối tượng

☐ Tham chiếu 1

☐ Tham chiếu 2

☐ Tham chiếu 3

☐ Tham chiếu TK

☐ Thuộc tính TK

☐ Sử dụng khoản mục phí

☐ Sử dụng kế ước

☐ Quản lý hạn thanh toán

☐ Quản lý hạn mức nợ

☐ Quản lý hợp đồng

☐ Sử dụng kho hàng

☐ Quản lý ngoại tệ

Lưu dữ liệu Hủy bỏ

B3. Nếu Thêm mới bạn nhập Mã TK chi tiết, Tên TK chi tiết

Nếu Sửa đổi thì bạn có thể tích vào chức năng cần sửa

4. Ý nghĩa các trường thông tin Loại tài khoản

Trong chương trình có thiết kế các loại tài khoản có đặc tính quản lý riêng dùng để gán cho một số tài khoản nhà nước để đáp ứng yêu cầu quản lý. Sau đây là các loại tài khoản đã được chọn sẵn sàng, các tài khoản không chọn loại tài khoản là các tài khoản thông thường.

Loại tài khoản	Đặc tính quản lý	TK áp dụng
TK hàng hóa, thành phẩm	Quản lý số lượng, tính giá xuất, trạng thái hàng, giá thành	1561, 1551
TK vật tư, công cụ	Quản lý số lượng, tính giá xuất	152, 153
TK khách hàng	Quản lý MST, địa chỉ, điện thoại	131, 331, 1388, 3388
TK cán bộ, nhân viên	Quản lý thông tin chi tiết của nhân viên	141, 334
TK cổ phiếu, trái phiếu	Quản lý số lượng phát hành, mệnh giá	121, 228
TK tài sản cố định	Quản lý thẻ TSCĐ	211, 212, 213
TK thuế GTGT đầu vào	Kê khai thuế đầu vào	1331, 1332
TK thuế GTGT đầu ra	Kê khai thuế đầu ra	33311, 33312
Không có loại tài khoản	Thông thường	TK còn lại

Cùng đối tượng

Một tài khoản có thể được khai báo nhiều đối tượng chi tiết. Chức năng cùng đối tượng giúp bạn chọn một tài khoản này sẽ cùng đối tượng với một tài khoản kia.

Tác dụng của chọn tài khoản cùng đối tượng

Thứ nhất, giúp bạn tiết kiệm thời gian công sức khai báo đối tượng chi tiết lúc ban đầu và trong lúc nhập liệu phát sinh

Thứ hai, giúp bạn tiết kiệm thời gian công sức tối đa khi thực hiện các kết chuyển tổng hợp số liệu cuối kỳ

Ví dụ 1: Giả sử doanh nghiệp kinh doanh thương mại khoảng 1000 mã hàng:

Chắc chắn bạn sẽ khai báo đối tượng chi tiết cho TK 1561 để quản lý tồn kho, cụ thể khai báo 1000 mã hàng. Bên cạnh đó, có thể bạn cũng cần quản lý doanh thu (5111), giá vốn (6321) chi tiết theo 1000 mã hàng này. Ngoài ra danh mục ban đầu gồm 1000 mã hàng, trong quá trình làm sẽ phát sinh thêm các mã hàng nữa.

Bạn không có thời gian để khai báo mã hàng mà ở nhiều tài khoản như vậy. Do đó chỉ cần chọn tài khoản 5111 cùng đối tượng với 1561, 6321 cùng đối tượng với 1561 > Rồi vào chức năng khai báo danh mục tài khoản hàng hóa khai báo 1 lần.

Ví dụ 2: Giả sử doanh nghiệp sản xuất có khoảng 1000 sản phẩm:

Chắc chắn bạn sẽ khai báo đối tượng chi tiết cho TK 1551 để quản lý tồn kho, cụ thể khai báo 1000 sản phẩm. Bên cạnh đó, bạn cũng cần sử dụng tài khoản để tập hợp chi phí tính giá thành (6211, 1541), quản lý doanh thu (5111), giá vốn (6321) chi tiết theo 1000 sản phẩm này.

Cũng như ví dụ 1, bạn không có thời gian để khai báo mã hàng ở nhiều tài khoản. Hơn nữa khi thực hiện kết chuyển số liệu sẽ rất khó để kết chuyển Có 6211 – Nợ 1541 tách theo từng mã, Có 1541 – Nợ 1551 tách theo từng mã. Do đó chỉ cần chọn 6211 cùng đối tượng với 1551, 1541 cùng đối tượng với 1551 thì khi thực hiện kết chuyển số liệu cuối kỳ, bạn chỉ cần kích chuột là chương trình sẽ xử lý.

Lưu ý khi chọn tài khoản cùng đối tượng

Thứ nhất, về trình tự bạn cần chọn tài khoản cùng đối tượng trước, sau đó mới khai báo danh mục đối tượng, tiếp theo sẽ nhập chứng từ phát sinh cho đối tượng.

Thứ hai, khi chọn tài khoản cùng đối tượng bạn cần xác định chắc chắn rằng các tài khoản này đáp ứng cho việc nhập chứng từ, số liệu đầu vào.

Tham chiếu

Chức năng tham chiếu giúp bạn quản lý theo dõi chi tiết số liệu của các tham số hay vụ việc.

Với một tài khoản kế toán, nếu như việc khai báo các đối tượng chi tiết chưa đủ đáp ứng quản lý chi tiết số liệu thì bạn có thể sử dụng chức năng tham chiếu để linh hoạt trong việc quản lý truy xuất thông tin, theo dõi chéo thông tin số liệu.

Cách tham chiếu	Chức năng, ý nghĩa
TK nợ/có	Hiện tham số khi hạch toán bên nợ và bên có tài khoản
TK nợ	Chỉ hiện tham số khi hạch toán bên nợ tài khoản
TK có	Chỉ hiện tham số khi hạch toán bên có tài khoản
Đối tượng	Chỉ hiện tham số khi hạch toán đến các đối tượng được chọn

Trường hợp có sử dụng tham chiếu, sau khi đã chọn ở Tài khoản nhà nước bạn vào **Hệ thống > Danh mục quản lý** sẽ thấy menu để khai báo chi tiết các tham số, vụ việc

Thuộc tính tài khoản

Thuộc tính tài khoản là các thông tin quản lý đặc trưng cho một số tài khoản. Sau đây là các thuộc tính đã được chọn sẵn sàng:

Các thuộc tính cơ bản	Ý nghĩa	TK áp dụng
Sử dụng khoản mục phí	Quản lý chi tiết khoản mục phí	641,642,621,622,627
Sử dụng kế ước	Quản lý chi tiết kế ước	341
Quản lý hạn thanh toán	Quản lý hạn thanh toán	131
Quản lý hạn mức nợ	Quản lý hạn mức nợ	131
Quản lý hợp đồng	Quản lý chi tiết hợp đồng	131, 331
Sử dụng kho hàng	Quản lý chi tiết kho hàng	152,153,155,1561
Quản lý ngoại tệ	Quản lý ngoại tệ	1122,131,331 ...
Quản lý số lượng	Quản lý số lượng	152,153,155,1561
Quản lý lô hàng	Quản lý chi tiết lô hàng	1561, 1551
Quản lý định mức	Quản lý tính giá thành theo định mức	1551
Quản lý sổ hóa đơn	Quản lý công nợ chi tiết hóa đơn	131,331
Quản lý ngân hàng	Quản lý chi tiết ngân hàng	131,331
Đánh giá chỉ tiêu dài hạn Theo kỳ kế toán Theo tài khoản Theo mã cấp	Đánh giá từng khoản tại thời điểm cuối kỳ Khai báo chi tiết tài khoản nhà nước Đánh giá theo mã cấp được chọn	341,242,244,228

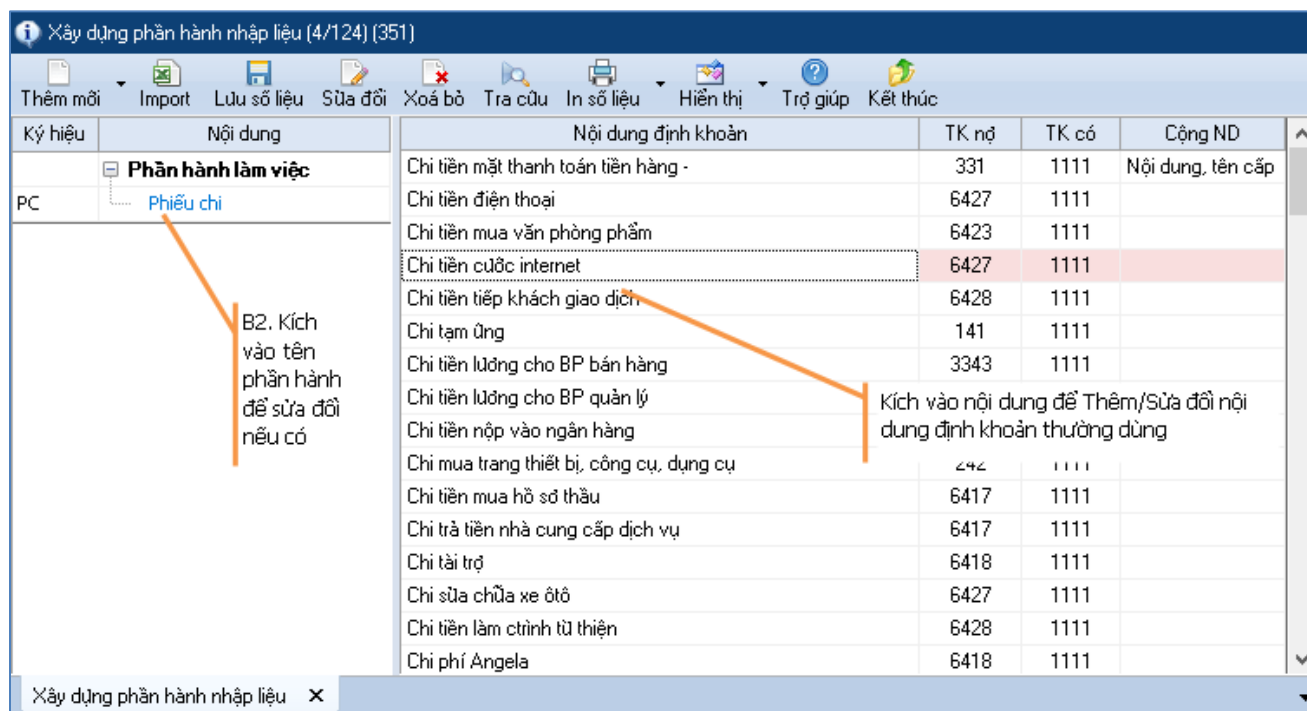
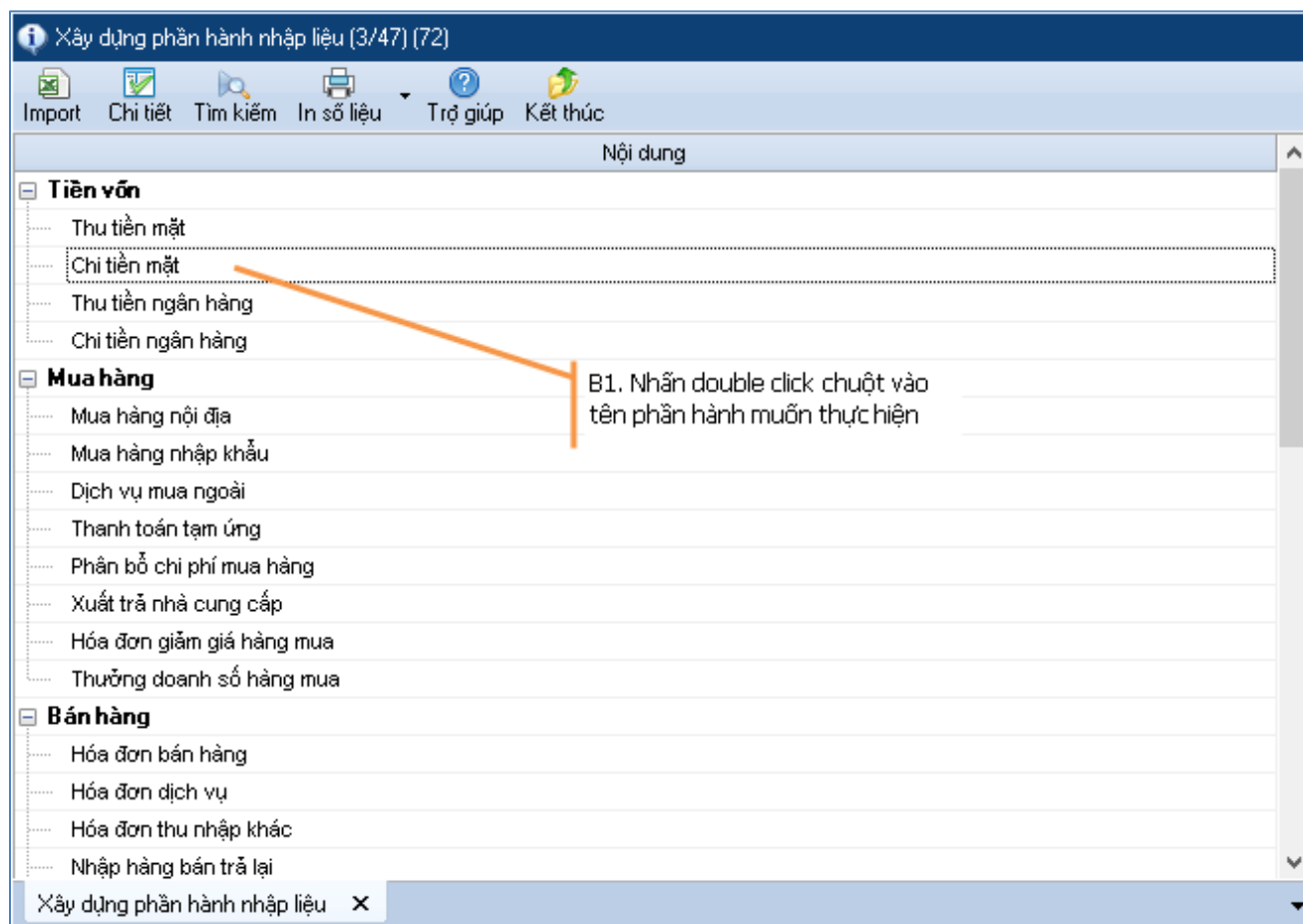
3.1.2 Xây dựng phần hành nhập liệu

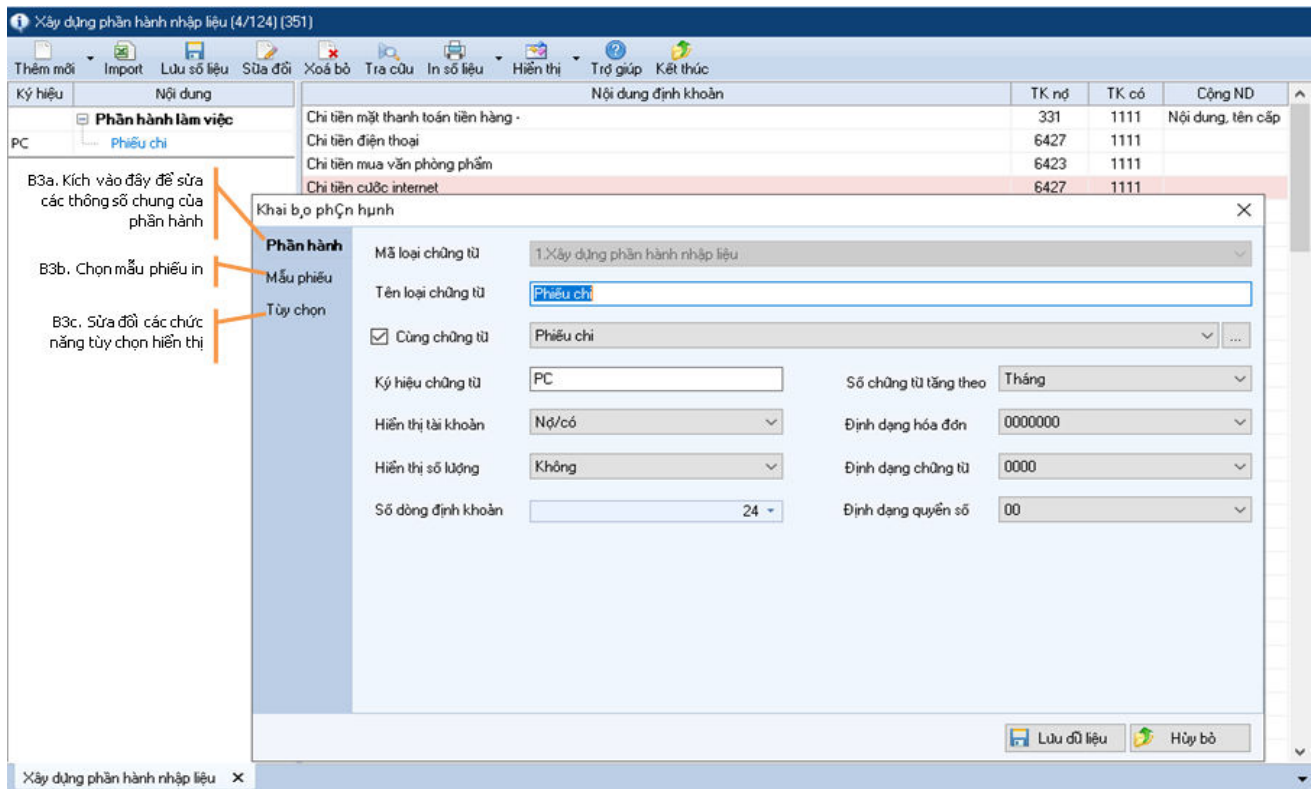
1. Chức năng

- Trong chương trình menu Kế toán chi tiết được thiết kế gồm các module riêng như: Tiền vốn; Mua hàng; Bán hàng và trong một module sẽ gồm các phần hành nhập liệu như module Tiền vốn sẽ có các phần hành Thu tiền mặt; Chi tiền mặt; Thu tiền ngân hàng; Chi tiền ngân hàng để bạn nhập chứng từ phát sinh theo từng loại phần hành.
- Phần này giúp bạn thêm, sửa các nội dung định khoản thường dùng khi nhập nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Ngoài ra bạn có thể sửa đổi thông số, hiển thị các trường tùy chọn và chọn loại mẫu phiếu in chứng từ theo từng phần hành nhập liệu.

2. Màn hình thao tác

- Vào **Hệ thống > Xây dựng hệ thống > Xây dựng phần hành nhập liệu**
- Kích đúp chuột chọn tên phần hành muốn sửa đổi (VD: Chi tiền mặt)
- Thực hiện sửa đổi gồm 3 nội dung cấu thành của phần hành: **Phần hành; Mẫu phiếu; Tùy chọn**

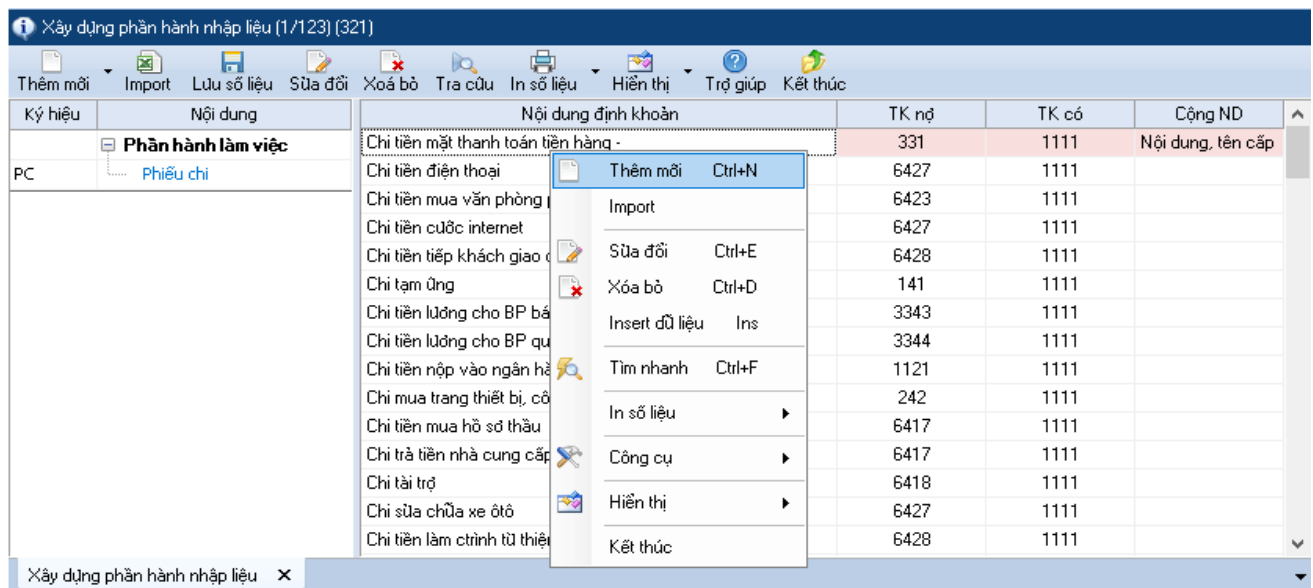




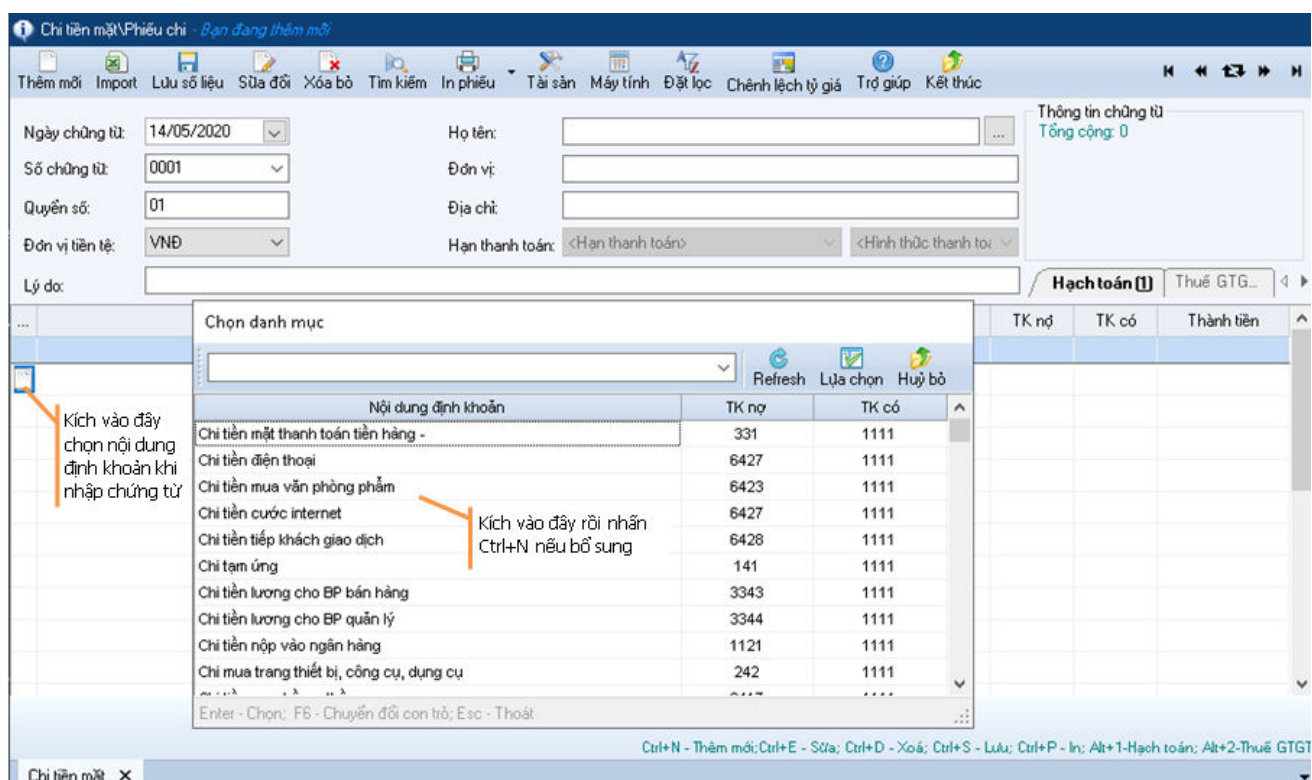
3. Ý nghĩa các trường thông tin Nội dung định khoản

Chức năng này dùng để khai báo các nội dung nghiệp vụ kế toán và định khoản kèm theo nhằm giúp bạn hạch toán chứng từ phát sinh được dễ dàng, thống nhất.

Bạn có thể khai báo tại xây dựng phần hành nhập liệu này, ngoài ra cũng có thể khai báo thêm trong lúc nhập chứng từ phát sinh.



(Hình ảnh thêm nội dung định khoản trong Xây dựng phần hành nhập liệu)



(Hình ảnh thêm nội dung định khoản ngay lúc nhập chứng từ)

Các trường thông tin	Ý nghĩa
Nội dung định khoản	Nội dung diễn giải nghiệp vụ
TK nợ	Tài khoản nợ của định khoản
TK có	Tài khoản có của định khoản
Cộng ND	Chọn hình thức thể hiện nội dung định khoản trên phiếu
Để trống	Tự động đề xuất hiện nội dung theo lý do đã nhập
Nội dung	Luôn hiện theo Nội dung khai báo
Nội dung, tên cấp	Hiện kết hợp "Nội dung" + "Tên cấp"
Nội dung, kho, tên cấp	Hiện kết hợp "Nội dung" + "Tên kho" + "Tên cấp"
Tên cấp	Chỉ hiện Tên cấp

Các chức năng, thông số hiển thị của phần hành

Các trường thông tin	Ý nghĩa
Phần hành	Các thông số chung của phần hành
Mã loại chứng từ	Loại phần hành
Tên loại chứng từ	Tên phần hành
Cùng chứng từ	Chọn nếu muốn cùng số chứng từ với phần hành khác
Ký hiệu chứng từ	Ký hiệu chứng từ của phần hành đó. Ví dụ PT; PC; PN, PX
Số chứng từ	Có thể chọn tăng theo Tháng/Quý/Năm
Hiển thị tài khoản	Có/Không hiển thị tài khoản trên phần hành
Định dạng hóa đơn	Chọn số ký tự của số hóa đơn, ví dụ 7 số 0000000
Định dạng chứng từ	Chọn số ký tự của số chứng từ, ví dụ 4 số 0000
Định dạng quyển số	Chọn số ký tự của quyển số, ví dụ 2 số 00
Hiển thị số lượng	Có/Không hiển thị cột số lượng trên phần hành, nếu phần hành nhập xuất hàng hóa vật tư thì bắt buộc chọn Có
Số dòng định khoản	Số dòng trên phần hành
Mẫu phiếu	Chọn mẫu phiếu để in chứng từ của phần hành
Tùy chọn	Tùy chọn chức năng hiển thị
Hiển thị số thứ tự	Hiện số thứ tự định khoản trên phần hành
Hiển thị nội dung định khoản	Cho phép chọn các nội dung định khoản đã khai báo khi nhập liệu
Hiển thị hạn thanh toán	Có/Không chọn hạn thanh toán
Hiển thị hình thức thanh toán	Có/Không chọn hình thức thanh toán
Hiển thị mẫu, ký hiệu hóa đơn đầu vào	Có/Không hiện mẫu số, ký hiệu khi kê khai hóa đơn đầu vào
Hiển thị chiết khấu	Có/Không hiện cột chiết khấu trên phần hành
Hiển thị lô hàng	Có/Không hiện cột lô hàng trên phần hành
Hiển thị kho hàng	Có/Không hiện cột kho hàng trên phần hành
Hiển thị hợp đồng	Có/Không hiện cột hợp đồng trên phần hành
Hiển thị NVBH	Có/Không hiển thị nhân viên bán hàng
Hiển thị chứng từ gốc	Có/Không hiển thị để nhập kèm theo chứng từ gốc
Hiển thị ghi chú	Có/Không hiển thị để nhập thêm ghi chú trên phần hành

3.1.3 Xây dựng quy trình tổng hợp số liệu

1. Chức năng

Cuối kỳ bạn sẽ phải thực hiện các bút toán kết chuyển, phân bổ để xác định kết quả kinh doanh. Phần này giúp bạn xây dựng các bút toán kết chuyển/phân bổ tính giá thành; kết chuyển doanh thu, giá vốn, chi phí, qua đó giúp bạn chạy tổng hợp số liệu cuối kỳ chỉ bằng vài cái click chuột.

2. Màn hình thao tác

Vào **Hệ thống** > **Xây dựng hệ thống** > **Xây dựng quy trình tổng hợp số liệu**

Số thứ tự	Nội dung	Số thứ tự	Ký hiệu	Tên phần hành	Tên module	Hiện thị kết quả	X
01	Tổng hợp số liệu	1		K/C chi phí NVL chính (6211>1541)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		2		K/C chi phí NVL phụ (6212>1541)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		3		P/B chi phí nhân công (622>1541)	Phân bổ chi phí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		4		P/B chi phí sản xuất chung (627>1541)	Phân bổ chi phí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		5		K/C giá thành nhập kho (1541>1551)	Đổ gộp giá thành nhập kho	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		6		Cập nhật giá vốn tiêu thụ (1551>6	Bổ s	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		7		K/C chiết khấu HH (52111>5111)	Kết i	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		8		K/C chiết khấu TP (52112>5112)	Kết i	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		9		K/C trả lại HH (52121>5111)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		10		K/C trả lại TP (52122>5112)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		11		K/C giảm giá HH (52131>5111)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		12		K/C giảm giá TP (52132>5112)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		13		P/B chi phí bán hàng (641>9111)	Phân bổ chi phí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		14		P/B chi phí quản lý (642>9111)	Phân bổ chi phí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		15		Xác định kết quả TM (5111,6321>91111)	Xác định kết quả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		16		Xác định kết quả SX (5112,6322>91112)	Xác định kết quả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		17		Xác định kết quả DV (5113,6323>91113)	Xác định kết quả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		18		Xác định kết quả tài chính (515,635>9112)	Xác định kết quả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		19		Xác định kết quả hoạt động khác (711,811>9113)	Xác định kết quả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		20		K/C chi phí thuế TNDN (8211>9113)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		21		K/C lãi lỗ (911>4212)	Kết chuyển lãi lỗ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>


Lưu ý: Trường hợp bạn khai báo bổ sung bút toán kết chuyển thì bút toán vừa được thêm luôn nằm ở vị trí cuối bảng, trong khi đó chương trình chạy tổng hợp số liệu theo thứ tự từ trên xuống dưới. Do đó bạn cần sắp xếp vị trí của chúng sao cho đảm bảo theo trình tự của sơ đồ kết chuyển kế toán

Xây dựng quy trình tổng hợp số liệu (6/21)							
<div> <div>Thêm mới</div> <div>Lưu số liệu</div> <div>Sửa đổi</div> <div>Xoá bỏ</div> <div>In số liệu</div> <div>Đẩy lên</div> <div>Đẩy xuống</div> <div>Kết thúc</div> </div>							
Số thứ tự	Nội dung	Số thứ tự	Ký hiệu	Tên phần hành	Tên module	Hiện thị kết quả	X
01	Tổng hợp số liệu	1		K/C chi phí NVL chính (6211>1541)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		2		K/C chi phí NVL phụ (6212>1541)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		3		P/B chi phí nhân công (622>1541)	Phân bổ chi phí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		4		P/B chi phí sản xuất chung (627>1541)	Phân bổ chi phí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		5		K/C giá thành nhập kho (1541>1551)	Bổ sung giá thành nhập kho	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		6		Cập nhật giá vốn tiêu thụ (1551>6322)	Bổ sung giá thành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		7		K/C chiết khấu HH (52111>5111)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		8		K/C chiết khấu TP (52112>5112)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		9		K/C trả lại HH (52121>5111)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		10		K/C trả lại TP (52122>5112)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		11		K/C giảm giá HH (52131>5111)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		12		K/C giảm giá TP (52132>5112)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		13		P/B chi phí bán hàng (641>9111)	Phân bổ chi phí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		14		P/B chi phí quản lý (642>9111)	Phân bổ chi phí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		15		Xác định kết quả TM (5111,6321>91111)	Xác định kết quả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		16		Xác định kết quả SX (5112,6322>91112)	Xác định kết quả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		17		Xác định kết quả DV (5113,6323>91113)	Xác định kết quả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		18		Xác định kết quả tài chính (515,635>9112)	Xác định kết quả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		19		Xác định kết quả hoạt động khác (711,811>9113)	Xác định kết quả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		20		K/C chi phí thuế TNDN (8211>9113)	Kết chuyển số liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		21		K/C lãi lỗ (911>4212)	Kết chuyển lãi lỗ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3. Ý nghĩa các trường thông tin

Tên module xử lý	Chức năng/Ý nghĩa
Kết chuyển số liệu	Giúp bạn kết chuyển từ TK nguồn đến TK đích trong trường hợp cả 2 TK cùng đối tượng, hoặc TK đích không quản lý đối tượng chi tiết
Phân bổ chi phí	Phân bổ số liệu từ TK nguồn đến TK đích trong trường hợp 2 TK không cùng đối tượng và TK đích có quản lý đối tượng chi tiết
Tính bảo hiểm	Giúp bạn xác định các tỷ lệ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ và trích các khoản này vào chi phí
Xuất vật tư sản xuất	Giúp tính NVL xuất kho cho sản xuất theo phương pháp định mức NVL
Bổ sung giá thành nhập kho	Giúp bạn cập nhật số liệu giá thành vào chứng từ nhập kho
Bổ sung giá thành xuất kho	Giúp bạn bổ sung giá vốn bình quân xuất kho sau khi đã có được giá thành nhập kho
Xác định kết quả	Giúp bạn kết chuyển tương tự như module kết chuyển số liệu, nhưng xử lý đồng thời kết chuyển doanh thu và giá vốn
Kết chuyển lãi lỗ	Giúp bạn kết chuyển số liệu các TK 911 đến TK 4212

Định nghĩa cách tính module kết chuyển số liệu



K/C chi phí NVL chính (6211 > 1541)

Kết chuyển từ bên

☒ Nợ
 ☐ Có

Tài khoản

6211

Đến tài khoản

1541

Tỷ lệ phân bổ

100,0000

☐ Chi tiết tài khoản
☐ Kho hàng
☐ Yếu tố phí
☐ Khoản mục
☐ K/C đến Khoản mục
☐ Dự án
☐ Nhóm theo Dự án
☐ Nhóm theo Yếu tố phí
☐ Nhóm theo Tính chất phí
☐ Nhóm theo Khoản mục
☐ Nhóm theo Kho hàng
☐ Nhóm theo Lô hàng

Xác nhận

Hủy bỏ

Các trường thông tin	Chức năng/Ý nghĩa
Kết chuyển từ bên Nợ/Có	Tích chọn căn cứ vào số liệu bên Nợ/Có của TK nguồn
Từ tài khoản	Nhập TK nguồn của bút toán kết chuyển
Đến tài khoản	Nhập TK đích của bút toán kết chuyển
Chi tiết tài khoản	Có/Không chỉ kết chuyển riêng một đối tượng chi tiết, hoặc một nhóm đối tượng chi tiết của tài khoản
Kho hàng, khoản mục	Có/Không chỉ kết chuyển riêng cho kho hàng, khoản mục
Nhóm theo tham số, dự án, khoản mục ...	Có/Không kết chuyển tương ứng theo tham số, dự án, khoản mục

Định nghĩa cách tính module phân bổ chi phí

Kết chuyển từ bên:

☒ Nợ
 ☐ Có

Tài khoản phân bổ:

622

Đến tài khoản:

1541

Theo phương pháp:

Tự động

Theo bên:

Nợ

Tài khoản cơ sở:

6211

Tỷ lệ phân bổ:

100,0000

☐ Kho hàng
☐ Khoản mục
☐ K/C đến Khoản mục
☐ Yếu tố phí
☐ Tính chất phí
☐ Chi tiết tài khoản cơ sở
☐ Chi tiết tài khoản phân bổ
☐ Dự án
☐ Nhóm theo Dự án
☐ Nhóm theo Yếu tố phí
☐ Nhóm theo Chi tiết tài khoản cơ sở

Xác nhận

Hủy bỏ

Các trường thông tin	Chức năng/Ý nghĩa
Kết chuyển từ bên Nợ/Có	Tích chọn căn cứ vào số liệu bên Nợ/Có của TK nguồn
Từ tài khoản phân bổ	Nhập TK nguồn của bút toán phân bổ
Đến tài khoản	Nhập TK đích của bút toán phân bổ
Theo phương pháp	Chọn tự động/tùy chọn
Theo bên	Nếu cách tính phân bổ theo tỷ lệ thì chọn bên Nợ/Có của tài khoản cơ sở Ngoài ra có thể phân bổ theo chỉ tiêu, hệ số
Tài khoản cơ sở	Nhập tài khoản cơ sở để phân bổ theo tỷ lệ
Chi tiết tài khoản phân bổ	Có/Không chỉ phân bổ riêng một đối tượng chi tiết, hoặc một nhóm đối tượng chi tiết của tài khoản phân bổ
Kho hàng, khoản mục	Có/Không chỉ phân bổ riêng cho kho hàng, khoản mục
Nhóm theo tham số, dự án, khoản mục ...	Có/Không phân bổ tương ứng theo tham số, dự án, khoản mục

3.2 Quản trị hệ thống

3.2.1 Phân quyền sử dụng

1. Chức năng

- Phần này giúp bạn tạo ra các nhóm quyền thực hiện theo menu của chương trình, đồng thời phân quyền các chức năng được thực hiện và hiển thị chi tiết theo từng người sử dụng
- Sau khi phân quyền, người sử dụng sẽ truy cập vào chương trình bằng tên truy cập của mình để nhập liệu trong chương trình, từ đó bạn sẽ dễ dàng biết được chứng từ do tên truy cập nào thực hiện, sửa, xóa và có thể truy xuất báo cáo theo tên truy cập.

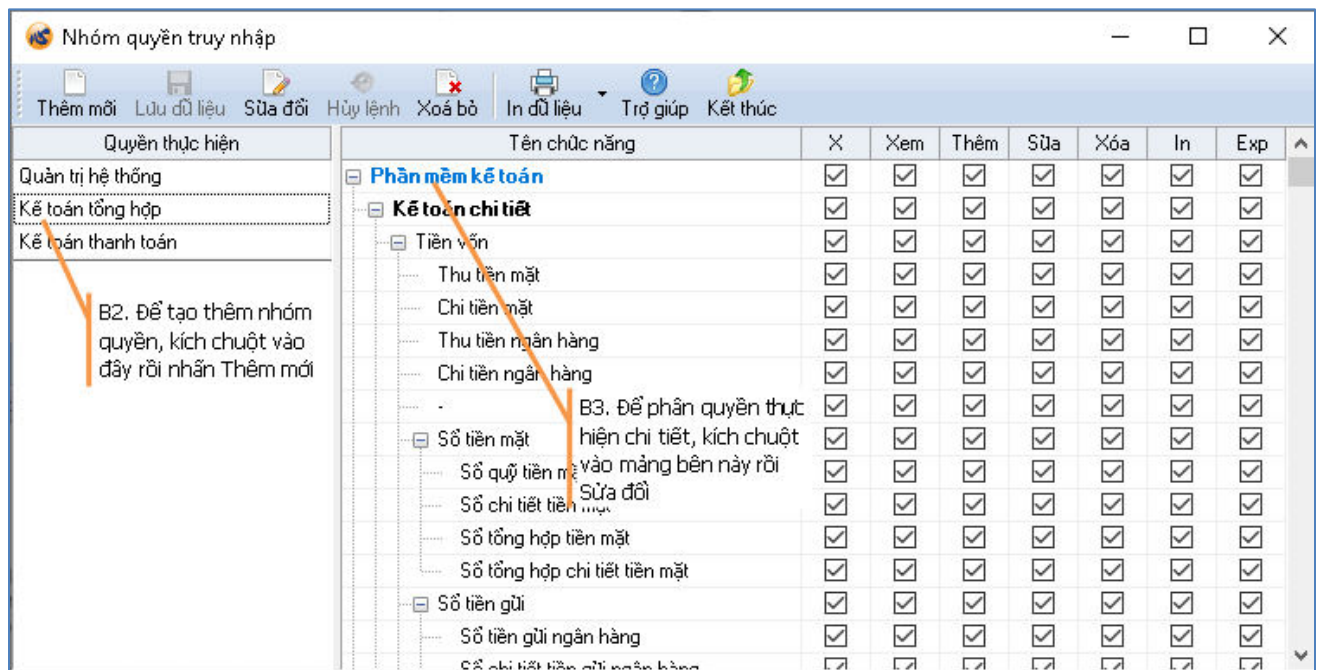
2. Màn hình thao tác

Vào Hệ thống > Quản trị hệ thống > Phân quyền sử dụng

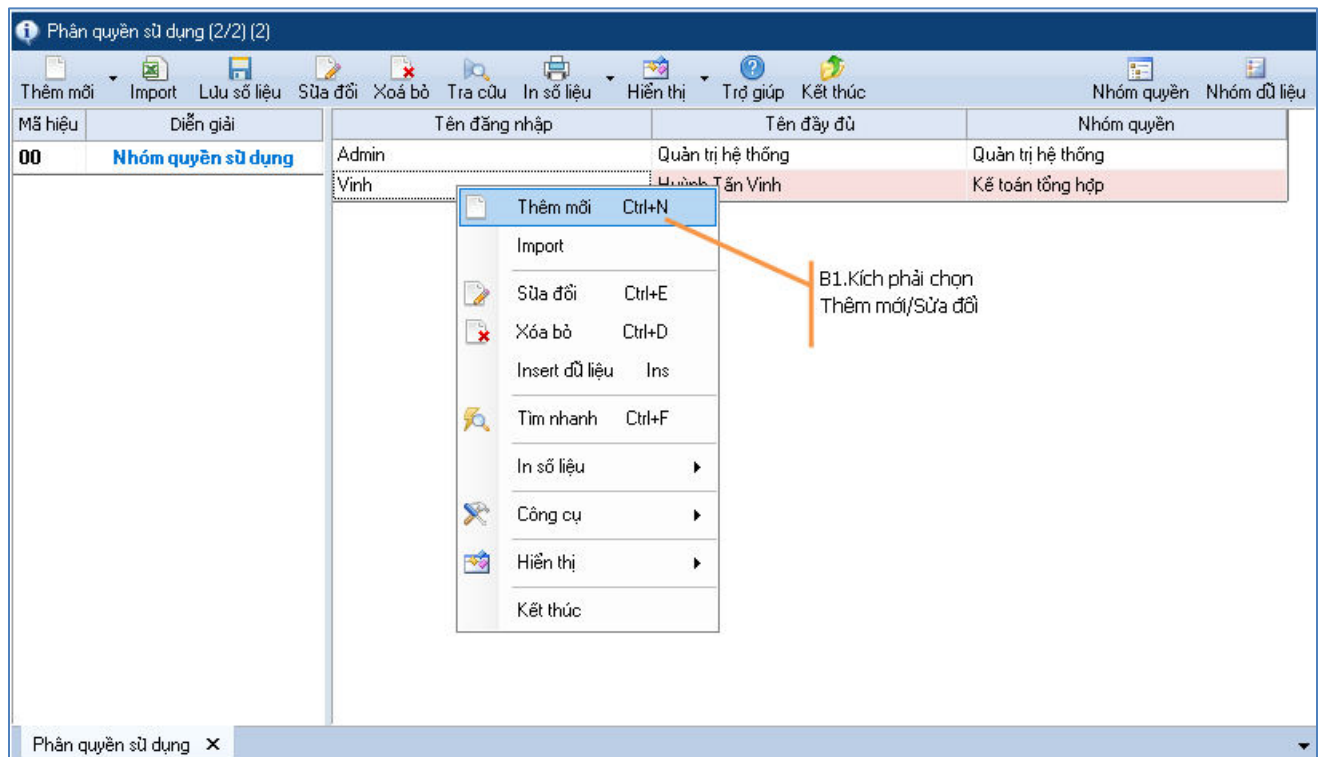
- Tạo nhóm quyền sử dụng và phân quyền thực hiện chi tiết

Mã hiệu	Diễn giải	Tên đăng nhập	Tên đầy đủ	Nhóm quyền
00	Nhóm quyền sử dụng	Admin	Quản trị hệ thống	Quản trị hệ thống
		Vinh	Huỳnh Tấn Vinh	Kế toán

B1. Nhấn vào đây để tạo các nhóm người sử dụng và quyền thực hiện chi tiết



- Tạo tên truy cập người sử dụng và phân quyền các chức năng hiển thị



Thêm mới người dùng

Tên truy cập: B2.Nhập tên truy cập và chọn các quyền theo màn hình

Tên đầy đủ:

Mật khẩu:

Vai trò:

Quyền thực hiện:

Nhóm dữ liệu:

Nhân viên:

1. Quản trị | 2. Tài khoản | 3. Kho hàng | 4. Phân hành | 5. Hỗ trợ nhân viên

Được phân quyền hiển thị

☒ Giá vốn ☒ Giá bán ☒ Số lượng ☒ Ngoại tệ ☐ Ngày hết hạn hợp đồng

☒ Tiền vốn ☒ Tiền bán ☐ SL thực nhập/xuất ☐ Nhập theo loại tiền ☐ Ngày sinh nhật

Được phân quyền chức năng thực hiện nhiệm vụ

☒ Sửa giá mua ☒ Sửa số lượng ☐ Khai thác số liệu từ ngày đến ngày

☒ Sửa giá bán ☐ Sửa sl thực nhập/xuất ☐ Nhập số liệu từ giờ đến giờ

☒ Sửa chiết khấu ☒ SL thực nhập/xuất=SL ☐ Chỉ sửa xóa dữ liệu tự tạo ☐ Ngày chứng từ thực tế/ghi sổ

☒ Quản lý quỹ, tiền gửi ☐ Duyệt kế hoạch mua, bán ☐ Là cán bộ mua hàng ☐ Là cán bộ xuất hàng

☐ Khóa sổ trước ngày hiện tại ☐ Giới hạn số dòng kết quả tìm mã đối tượng

☐ Duyệt hạn mức nợ

☐ Duyệt hạn mức chiết khấu

☐ Là đối tượng khách hàng

Phân quyền sử dụng (4/4) (4)

Mã hiệu	Diễn giải	Tên đăng nhập	Tên đầy đủ	Nhóm quyền
00	Nhóm quyền sử dụng	Admin	Quản trị hệ thống	Quản trị hệ thống
		Vinh	Huỳnh Tấn Vinh	Kế toán tổng hợp
		Tám	Lê Văn Tám	Kế toán tổng hợp
		Nhung	Nguyễn Hồng Nhung	Kế toán thanh toán

Phân quyền sử dụng X

3. Ý nghĩa các trường thông tin

Nhóm quyền theo menu	Chức năng/Ý nghĩa
X	Cho phép Hiện/Ẩn menu (Có tích là hiện)
Xem	Có/Không quyền xem dữ liệu
Thêm	Có/Không quyền thêm dữ liệu
Sửa	Có/Không quyền sửa dữ liệu
Xóa	Có/Không quyền xóa dữ liệu
In	Có/Không quyền in dữ liệu
Export	Có/Không quyền xuất dữ liệu ra ngoài: Excel, pdf, word

Quyền theo người dùng	Chức năng/Ý nghĩa
Tên truy cập	Tên người sử dụng
Tên đầy đủ	Họ tên đầy đủ của người sử dụng
Mật khẩu	Mật khẩu truy cập của người sử dụng
Vai trò Quản trị hệ thống Quản trị trong nhóm Thành viên trong nhóm Thành viên độc lập	Có toàn quyền cao nhất, tương đương Admin Có quyền phân quyền các thành viên trong nhóm Người sử dụng bình thường trong nhóm Người sử dụng độc lập, chỉ hiện dữ liệu độc lập do mình nhập
Quyền thực hiện	Chọn thuộc nhóm quyền đã tạo
Quản trị	Cho phép Có/Không các chức năng, hiển thị trong chương trình
Tài khoản	Có/Không sử dụng các tài khoản nhà nước nào trong chương trình
Kho hàng	Có/Không sử dụng các kho hàng nào trong chương trình
Phần hành	Có/Không sử dụng các phần hành nào trong chương trình

3.2.2 Tiện ích tùy chọn

1. Chức năng

- Chức năng tiện ích tùy chọn dùng để lựa chọn các chế độ làm việc cho chương trình như định dạng ngày, số chứng từ; Số thập phân
- Ngoài ra chức năng này còn giúp bạn quản lý hệ thống như khóa sổ kế toán, có/không cho xuất âm, quản lý giá bán

2. Màn hình thao tác

Vào **Hệ thống** > **Quản trị hệ thống** > **Tiện ích tùy chọn**

Tùy chọn

Chế độ làm việc

- Định dạng ngày, số, chứng từ
- Định dạng số thập phân
- Định dạng báo cáo, máy in
- Quản lý thư mục
- Font hệ thống
- Font ứng dụng
- Đơn vị tính, số lượng, đơn giá

Quản lý hệ thống

- Thời gian
- Chứng từ

Định dạng ngày: dd/MM/yyyy ☐ Chuyển đổi

Số thập phân: ,

Hiển thị số <0: -999.999

Hiển thị kiểu phiếu (1): / Trước chứng từ

Hiển thị chứng từ (2): Ký hiệu phiếu/Số chứng từ

Kê khai thuế theo TT: 119/2014-BTC

PP tính thuế: Chưa thuế

☒ Tỷ lệ thuế: 10

(1) - Hiện thị trên các báo cáo
(2) - Hiện thị trên các phiếu thu, chi, nhập, xuất, ...

Xác nhận Kết thúc

3. Ý nghĩa các trường thông tin

Các trường thông tin	Chức năng/Ý nghĩa
Chế độ làm việc	
Định dạng ngày, chứng từ	
Định dạng ngày	Chọn dd/mm/yyyy
Số thập phân	Chọn dấu phẩy hoặc dấu chấm
Hiển thị số <0	Chọn kiểu hiển thị số âm trên báo cáo
Hiển thị kiểu phiếu	Hiển thị khi in phiếu. Ví dụ PC/0001 hoặc 0001/PC
Hiển thị chứng từ	Chọn kiểu hiển thị số chứng từ trên phiếu
PP tính thuế	Chọn phương pháp tính thuế GTGT
Định dạng số thập phân	Chọn số chữ số thập phân cho các chỉ tiêu như: số lượng, đơn giá, ngoại tệ, hệ số, chiết khấu nếu áp dụng Ví dụ: 5,25 là 2 số thập phân. Chọn được tối đa 4 số
Định dạng báo cáo	Chọn căn lề đối với khổ giấy in ngang, dọc Chọn hiển thị các chức danh, người ký trên báo cáo
Quản lý thư mục	Chọn vị trí sẽ lưu file vào các thư mục backup, import, export, chữ ký số ...
Font hệ thống	Chọn loại font giao diện của chương trình, mặc định là unicode
Font ứng dụng	Chọn loại font hiển thị in phiếu, in báo cáo

Số lượng, đơn giá	Chọn cách hiện giá bán: kế hoạch, theo khách hàng
Quản lý hệ thống	
Thời gian	Chọn ngày bắt đầu niên độ làm việc Chọn ngày sổ dư đầu kỳ cho hệ thống Chọn thời gian làm việc cho hệ thống: từ ngày ... đến ngày ... Ví dụ chọn thời gian làm từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 nghĩa là bạn đã khóa sổ trước ngày 01/01/2020
Chứng từ	Gồm các định dạng về sổ chứng từ, sổ hóa đơn, quyển sổ Có/Không cho phép xuất âm kho

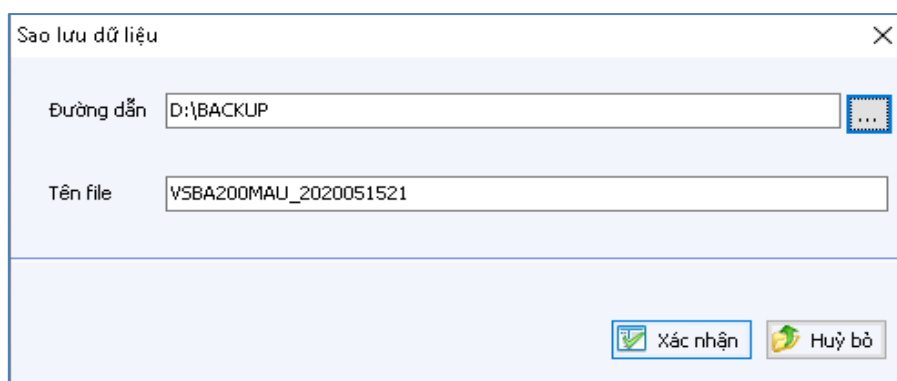
3.2.3 Sao lưu dữ liệu

1. Chức năng

- Chức năng này giúp bạn sao lưu dữ liệu dự phòng (backup), bạn nên thực hiện thường xuyên ít nhất là 1 lần/tuần nhằm tránh các rủi ro có thể xảy ra như: bị hacker, vi rút xâm nhập mã hóa cơ sở dữ liệu; bị hư ổ cứng; do chính người dùng xóa nhầm hoặc cần sao lưu dữ liệu trước khi chỉnh sửa số liệu kế toán theo yêu cầu.
- Khi đã có file dữ liệu đã sao lưu thì việc khôi phục dữ liệu được thực hiện một cách dễ dàng và nhanh chóng.

2. Màn hình thao tác

Vào **Hệ thống > Quản trị hệ thống > Sao lưu dữ liệu**



- Đường dẫn: Bạn chọn đến thư mục sẽ chứa file dữ liệu sao lưu
- Tên file: Chương trình tự hiện theo định dạng TenDuLieu_NamThangNgayGio
- Bạn nhấn Xác nhận là hoàn thành

Lưu ý:

- *Bạn chỉ thực hiện sao lưu dữ liệu trên máy chủ (tức máy chứa cơ sở dữ liệu)*
- *Sau khi đã sao lưu vào thư mục backup trên máy tính, bạn có thể copy vào ổ cứng gắn ngoài hoặc up dữ liệu lên gmail, googledrive để lưu trữ.*

3.3 Danh mục tài khoản

3.3.1 Chức năng

- Phần này giúp bạn khai báo các đối tượng chi tiết của tài khoản nhằm đáp ứng yêu cầu hạch toán và lên báo cáo chi tiết
- Đối với tài khoản đã khai báo đối tượng chi tiết, khi nhập số dư hoặc nhập chứng từ phát sinh có sử dụng tài khoản này thì chương trình sẽ hiện bảng chi tiết để bạn chọn đối tượng chi tiết

3.3.2 Màn hình thao tác

Vào **Hệ thống** > **Danh mục tài khoản**

Hoặc có thể khai báo ngay trong các phần hành nhập chứng từ phát sinh thuộc Kế toán chi tiết

Bạn xem lại các thao tác chung tại Nội dung 2.3 – Chương 2

3.3.3 Ý nghĩa các trường thông tin

Danh mục ngân hàng

Khai báo đối tượng chi tiết là từng ngân hàng (là chi tiết tài khoản 1121, 1122)

Mã hiệu	Diễn giải	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Ghi chú	X
00	Tiền gửi ngân hàng VNĐ	0001	Ngân hàng Vietcombank		<input type="checkbox"/>
		0002	Ngân hàng Techcombank		<input type="checkbox"/>

Danh mục khách hàng

Khai báo đối tượng chi tiết là từng khách hàng (là chi tiết tài khoản 131)

Mã hiệu	Diễn giải	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Địa chỉ	Mã số
00	Phải thu khách hàng	ABC	Công ty TNHH Đầu Tư ABC	220/4 Hoàng văn Thụ, Phường 4, Q.	03012345
01	TPHCM	ANPHA	Công ty TNHH Thương Mại An Pha	Số 7 Nguyễn Thị Trạng, Phường Hiệ	03145009
02	Bình Dương	TRUONGTHINH	Công ty TNHH TM DV Xây Dựng Trường Thịnh	Đường số 3, Phường An Phú, TP.HCM	03031478
03	Long An	TKNGUYENLE	Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế XD Nguyễn Lê	Số 8 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM	03039999

Các trường thông tin	Chức năng/Ý nghĩa
Mã KH	Mã khách hàng, có thể đặt theo số thứ tự bắt đầu từ 0001; hoặc ký tự; hoặc mã cũng là mã số thuế
Tên khách hàng	Tên khách hàng, được hiển thị khi nhập chứng từ
Địa chỉ	Địa chỉ khách hàng, được hiển thị khi nhập chứng từ
Mã số thuế	Mã số thuế khách hàng, được hiển thị khi nhập chứng từ
Điện thoại	Điện thoại
Fax	Fax
Email	Email khách hàng, được hiển thị khi phát hành hóa đơn điện tử
Hạn thanh toán	Chọn hạn thanh toán
Hạn mức nợ	Chọn hạn mức nợ
Ghi chú	Ghi chú

Danh mục hàng hóa

Khai báo đối tượng chi tiết là từng mặt hàng (là chi tiết tài khoản 1561)

Hàng hóa\Thép tấm (4/4) []

Thêm mới Import Lưu số liệu Sửa đổi Xóa bỏ Tra cứu In số liệu Hiển thị Trợ giúp Kết thúc

Mã hiệu	Diễn giải	Mã hiệu	Tên hàng hóa, thành phẩm	ĐVT	PP tính giá vốn	SL tồn tối thiểu
00	Hàng hóa	TTA0001	Thép tấm 1,5 ly	Kg	Bình quân theo kỳ	0
01	Thép tấm	TTA0002	Thép tấm 2,0 ly	Kg	Bình quân theo kỳ	0
02	Thép không gỉ	TTA0003	Thép tấm 6,0 ly	Kg	Bình quân theo kỳ	0

1561 - Hàng hóa x

Các trường thông tin	Chức năng/Ý nghĩa
Mã hiệu	Mã hàng
Tên hàng	Tên hàng
ĐVT	Đơn vị tính
PP tính giá vốn	Phương pháp tính vốn giá xuất kho
SL tồn tối thiểu	Dùng để lên báo cáo dự báo nhập hàng
SL tồn tối đa	Dùng để lên báo cáo dự báo xuất hàng
Tỷ lệ thuế	Tỷ lệ thuế VAT mặc định theo mặt hàng
Số ngày hàng về	Dùng cho lập đề nghị mua hàng nếu đơn vị sử dụng module Đơn hàng

Mã NCC	Dùng cho lập đề nghị mua hàng nếu đơn vị sử dụng module Đơn hàng
Ghi chú	Ghi chú

Danh mục tài khoản khác

Kích đúp chọn tài khoản > Khai báo đối tượng chi tiết của tài khoản đó

3.4 Danh mục quản lý

3.4.1 Danh mục khoản mục phí

1. Chức năng

- Phần này giúp bạn khai báo chi tiết từng khoản mục chi phí sẽ phát sinh trong doanh nghiệp
- Khi bạn nhập chứng từ phát sinh có sử dụng các tài khoản chi phí để hạch toán thì sẽ chọn được khoản mục phí, từ đó lấy báo cáo chi tiết khoản mục phí theo yêu cầu.

VIETSUN đã chọn TK 641,642,621,622,623,627 quản lý khoản mục phí. Trường hợp cần bổ sung, sửa đổi TK quản lý khoản mục phí bạn xem lại Thuộc tính tài khoản ở Nội dung 2.1.1

2. Màn hình thao tác

Vào **Hệ thống > Danh mục quản lý > Danh mục khoản mục phí**

Hoặc có thể khai báo ngay trong các phần hành nhập chứng từ phát sinh thuộc Kế toán chi tiết

Bạn xem lại các thao tác chung tại Nội dung 2.3 – Chương 2

Danh mục khoản mục phí\Chi phí dịch vụ mua ngoài (6/19) (10300)			
Mã hiệu	Diễn giải	Mã hiệu	Tên khoản mục
00	Danh mục khoản mục phí	0401	Chi phí đăng ký, thành lập DN
01	Chi phí nguyên vật liệu, ccđc	0402	Chi phí văn phòng phẩm
02	Chi phí tiền lương	0403	Chi phí đồ dùng văn phòng
03	Chi phí khấu hao	0404	Chi phí điện thoại, viễn thông
04	Chi phí dịch vụ mua ngoài	0405	Chi phí bưu điện
05	Chi phí bằng tiền khác	0406	Chi phí thuê văn phòng
		0407	Chi phí điện nước
		0408	Chi phí bảo trì sửa chữa máy tính
		0409	Chi phí phần mềm, dịch vụ điện tử
		0410	Chi phí bảo dưỡng sửa chữa ô tô
		0411	Chi phí sửa chữa nhỏ TSCĐ
		0412	Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại
		0413	Chi phí bảo quản, đóng gói
		0414	Chi phí vận chuyển
		0415	Chi phí tư vấn quản lý doanh nghiệp
		0416	Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ

3.4.2 Danh mục kho hàng

1. Chức năng

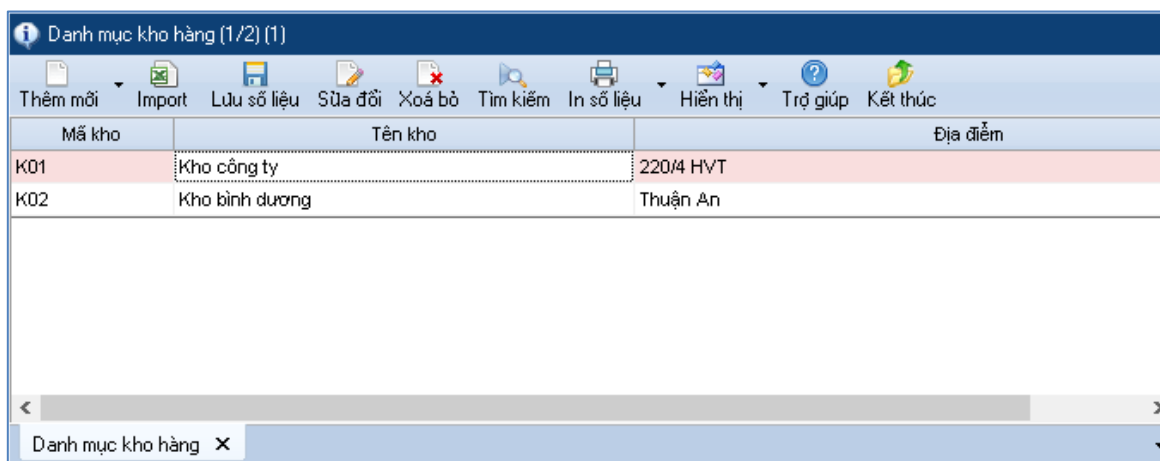
- Phần này giúp bạn khai báo các kho hàng cất trữ hàng hóa, vật liệu, thành phẩm, công cụ
- Một kho hàng có thể chứa cả hàng hóa, vật tư và một chứng từ nhập xuất kho có thể gồm cả hàng hóa, vật tư nên VIETSUN sẽ giúp bạn cho kho hàng theo từng định khoản nhập liệu, từ đó lấy báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn, sổ chi tiết và các báo cáo quản trị theo kho hàng.

VIETSUN đã chọn TK 151,152,153,155,156 quản lý kho hàng. Trường hợp cần bổ sung, sửa đổi TK quản lý kho hàng bạn xem lại Thuộc tính tài khoản ở Nội dung 2.1.1

2. Màn hình thao tác

Vào **Hệ thống > Danh mục quản lý > Danh mục kho hàng**

Hoặc có thể khai báo ngay trong các phần hành nhập chứng từ phát sinh thuộc Kế toán chi tiết



Mã kho	Tên kho	Địa điểm
K01	Kho công ty	220/4 HVT
K02	Kho bình dương	Thuận An

3.4.3 Danh mục đơn vị tính

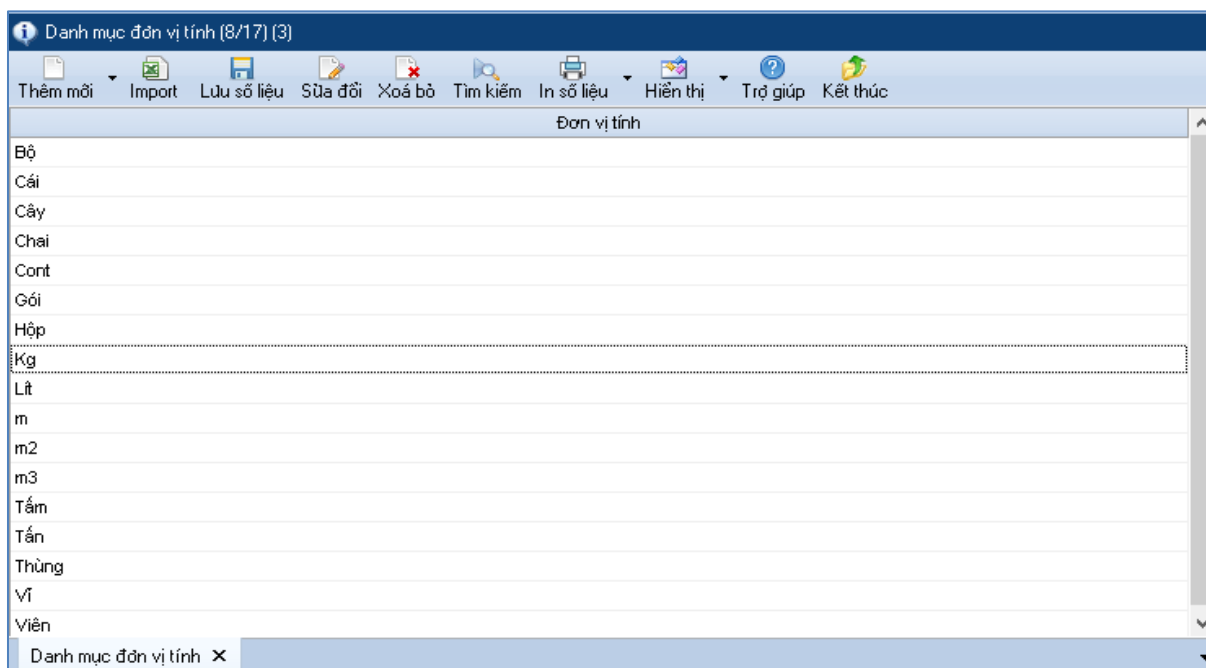
1. Chức năng

- Phần này giúp bạn khai báo các đơn vị tính của hàng hóa, vật liệu, thành phẩm, công cụ
- Khi khai báo danh mục hàng hóa, vật liệu, thành phẩm, công cụ bạn sẽ chọn đơn vị tính đã được khai báo tại chức năng này.

2. Màn hình thao tác

Vào **Hệ thống > Danh mục quản lý > Danh mục đơn vị tính**

Hoặc có thể khai báo ngay trong các phần hành nhập chứng từ phát sinh thuộc Kế toán chi tiết



3.4.4 Danh mục loại tiền tệ

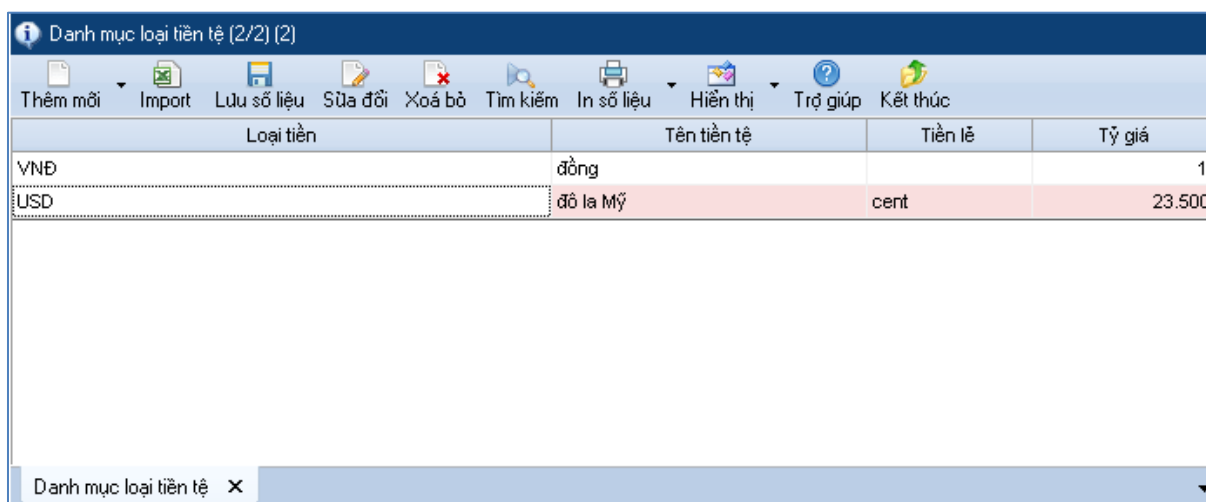
1. Chức năng

- Theo quy định thì loại tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam, trường hợp nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh bằng tiền ngoại tệ thì phải đồng thời theo dõi nguyên tệ, quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- Phần này giúp bạn khai báo các loại tiền tệ sử dụng, khi nhập nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ bạn sẽ chọn được loại tiền tệ, đồng thời chương trình sẽ hiện tỷ giá, ngoại tệ, quy ra VNĐ.

2. Màn hình thao tác

Vào **Hệ thống > Danh mục quản lý > Danh mục loại tiền tệ**

Hoặc có thể khai báo ngay trong các phần hành nhập chứng từ phát sinh thuộc Kế toán chi tiết



3.4.5 Danh mục hình thức thanh toán

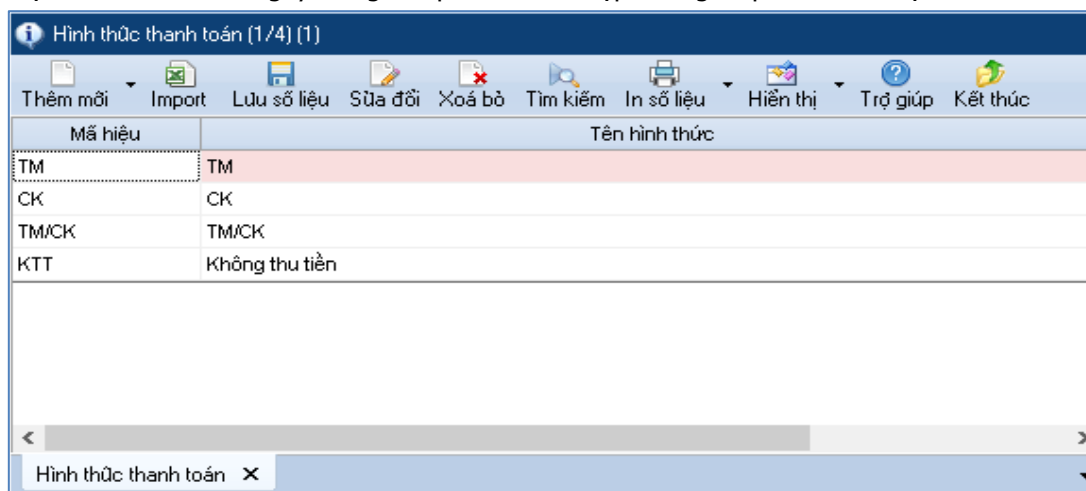
1. Chức năng

- Phần này giúp bạn khai báo các hình thức thanh toán dùng khi bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Khi lập hóa đơn thì bạn sẽ chọn hình thức thanh toán, chúng sẽ hiển thị khi in hóa đơn hoặc phát hành hóa đơn điện tử.

2. Màn hình thao tác

Vào **Hệ thống > Danh mục quản lý > Hình thức thanh toán**

Hoặc có thể khai báo ngay trong các phần hành nhập chứng từ phát sinh thuộc Kế toán chi tiết



3.4.6 Quản lý hạn mức nợ

1. Chức năng

- Phần này giúp bạn khai báo các hạn mức nợ cho phép tùy theo khách hàng
- Khi lập hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ nếu vượt quá hạn mức VIETSUN sẽ cảnh báo, ngoài ra bạn có thể lấy báo cáo công nợ so sánh với hạn mức nợ

2. Màn hình thao tác

- Vào **Hệ thống > Xây dựng hệ thống > Xây dựng tài khoản nhà nước**
Tích vào TK 131 > Kích sửa đổi > Tích chọn thuộc tính Quản lý hạn mức nợ
- Vào **Hệ thống > Danh mục quản lý > Hạn mức nợ**
Bạn khai báo các hạn mức nợ

- Vào **Hệ thống** > **Danh mục tài khoản** > **Danh mục khách hàng**
Hoặc **Kế toán chi tiết** > **Bán hàng** > **Danh mục khách hàng**
Trong bảng danh mục khách hàng bạn tích chọn hạn thanh toán từng khách hàng.

3.4.8 Hạn mức duyệt chiết khấu

1. Chức năng

- Phần này giúp bạn khai báo các hạn mức chiết khấu, đồng thời trong phân quyền sử dụng bạn chọn hạn mức theo người dùng.
- Khi lập hóa đơn bán hàng nếu nhập chiết khấu vượt hạn mức VIETSUN sẽ cảnh báo.

2. Màn hình thao tác

Vào **Hệ thống** > **Danh mục quản lý** > **Hạn mức duyệt chiết khấu**

Hạn mức duyệt chiết khấu (1/4) (3761)		
Mã hiệu	Loại hạn mức	Tỷ lệ chiết khấu
01	Hạn mức 5%	5
02	Hạn mức 10%	10
03	Hạn mức 20%	20
04	Hạn mức 30%	30

3.4.9 Quản lý đơn giá

1. Chức năng

- Phần này giúp bạn khai báo các loại giá bán, nhập đơn giá kế hoạch cho từng mặt hàng
- Khi lập hóa đơn bán hàng VIETSUN sẽ tự hiện ra loại giá theo kế hoạch

2. Màn hình thao tác

Vào **Hệ thống** > **Danh mục quản lý** > **Cập nhật đơn giá**

Cập nhật đơn giá, tỷ lệ chiết khấu (3/8) *Bán hàng*

Tài khoản:
☐ Chọn hàng hóa, vật tư
 ☐ Cập nhật các cột còn lại
 ☐ Cập nhật các dòng còn lại

Mã hiệu	Tên hàng hóa, thành phẩm	ĐVT	Giá bán buôn	Giá niêm yết
00	Hàng hóa			
01	Thép tấm			
TTA0001	Thép tấm 1,5 ly	Kg	18.000,00	20.000,00
TTA0002	Thép tấm 2,0 ly	Kg	0,00	0,00
TTA0003	Thép tấm 6,0 ly	Kg	0,00	0,00
02	Thép không gỉ			
TKG0001	Thép không gỉ 304	Kg	0,00	0,00
TKG0002	Thép không gỉ 430	Kg	0,00	0,00

Cập nhật đơn giá, tỷ lệ chiết khấu

Lưu ý:

- Để hiện giá kế hoạch khi xuất bán hàng, bạn vào Hệ thống > Quản trị hệ thống > Tiện ích tùy chọn, tại mục đơn giá chọn giá bán theo kế hoạch
- Để import giá bán từ Excel, bạn xem lại Nội dung 2.4 – Chương 2

3.4.10 Quản lý hợp đồng

1. Chức năng

- Phần này giúp bạn khai báo thông tin chi tiết của hợp đồng
- Khi nhập chứng từ phát sinh bạn có thể chọn đến hợp đồng đã khai báo, trên cơ sở đó có thể lấy báo cáo chi tiết theo khách hàng, theo hợp đồng

2. Màn hình thao tác

- Vào **Hệ thống > Xây dựng hệ thống > Xây dựng tài khoản nhà nước**
Tích vào TK 131 > Kích sửa đổi > Tích chọn thuộc tính Quản lý hợp đồng
- Vào **Hệ thống > Xây dựng hệ thống > Xây dựng phần hành nhập liệu**
Chọn phần hành > Kích sửa đổi > Tại thẻ Tùy chọn, chọn Hiện thị hợp đồng
- Vào **Hệ thống > Danh mục quản lý > Danh mục hợp đồng**
- Bạn khai báo các kế ước theo thông tin trên màn hình chương trình

Danh mục hợp đồng (1/1)

Thêm mới Import Lưu số liệu Sửa đổi Xóa bỏ Tra cứu In số liệu Hiện thị Trợ giúp Kết thúc

Mã hiệu	Diễn giải	Mã hợp đồng	Nội dung	Ngày HĐ	Số HĐ	Khách hàng
	Danh mục hợp đồng	ABC/20/0001	Hợp đồng cung cấp thép không gỉ	10/05/2020	ABC/20/0001	

Quản lý hợp đồng

Thông tin chung

Nhóm HĐ: Danh mục hợp đồng

Ngày hợp đồng: 10/05/2020 Số hợp đồng: ABC/20/0001

Ngày thực hiện: 10/05/2020 Ngày kết thúc: 10/06/2020 Tình trạng: Đang thực hiện

Nội dung: Hợp đồng cung cấp thép không gỉ

Khách hàng: 131 Công ty TNHH TM DV Cơ Khí Phúc Khang 7A Khu E ...

Sản phẩm, dịch vụ Điều khoản thanh toán Tài liệu đính kèm Thông tin giao dịch Chi tiết khách hàng

Nội dung	Giá trị hợp đồng			Giá trị thanh lý	
	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá
	0,00		0	0,00	

<< < > >>

Thêm mới Lưu số liệu Hủy bỏ

3.4.11 Quản lý khế ước

1. Chức năng

- Phần này giúp bạn khai báo chi tiết các khế ước vay, VIETSUN giúp bạn tính ra lịch trả tiền vay, lãi vay theo từng khế ước.
- Khi nhập chứng từ phát sinh bạn có thể chọn đến khế ước đã khai báo, trên cơ sở đó có thể lấy báo cáo chi tiết theo từng đối tượng vay, theo từng khế ước.

2. Màn hình thao tác

- Vào **Hệ thống > Xây dựng hệ thống > Xây dựng tài khoản nhà nước**
Tích vào TK 3411 > Kích sửa đổi > Tích chọn thuộc tính Sử dụng khế ước
- Vào **Hệ thống > Xây dựng hệ thống > Xây dựng phân hành nhập liệu**
Chọn phần hành > Kích sửa đổi > Tại thẻ Tùy chọn, chọn Hiện thị khế ước
- Vào **Hệ thống > Danh mục quản lý > Danh mục khế ước vay**
Bạn khai báo các khế ước theo thông tin trên màn hình chương trình

Danh mục kế ước vay (1/3) (10515)									
<div> Thêm mới Import Lưu số liệu Sửa đổi Xóa bỏ Tra cứu In số liệu Hiện thị Trợ giúp Kết thúc </div>									
Mã hiệu	Diễn giải	Mã hiệu	Số HD tín dụng	Sản phẩm vay	hàng/tổ chức/cá nhân thanh toán	Số tiền vay	Lãi suất	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn
00	Danh mục kế ước	012MHC113142000	012MHC11314200001	TK thanh toán 010010101		250.000.000	11,00	15/05/2017	15/05/2032
		VTB/DD/300817	VTB/DD/300817	Vay ngắn hạn (kỳ hạn trả gốc và lãi :)		500.000.000	10,00	28/08/2017	30/08/2020

3.4.12 Danh mục tính chất thu chi

1. Chức năng

- Trong chương trình có 2 phương án lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp, đó là: Theo cách lấy tài khoản đối ứng và Theo tính chất thu chi
- Trường hợp bạn dùng theo tính chất thu chi thì khi nhập liệu chứng từ mà có hạch toán tài khoản 111, 112, chương trình sẽ hiện bảng danh mục tính chất thu chi để chọn, trên cơ sở đó lên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Màn hình thao tác

- Vào **Hệ thống > Xây dựng hệ thống > Xây dựng tài khoản nhà nước**
Tích vào TK 1111,1112,1121,1122 > Kích sửa đổi > Tích chọn thuộc tính Quản lý tính chất thu chi
- Vào **Hệ thống > Danh mục quản lý > Danh mục tính chất thu chi**
Chương trình đã khai báo sẵn tính chất thu chi theo quy định, bạn không phải khai báo thêm.